

Số: 721 /KH-TLLS

Vĩnh Yên, ngày 06 tháng 6 năm 2018

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 3 NĂM GẦN NHẤT
CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI LIỀN SƠN**

Năm báo cáo: 2018

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 03 NĂM TRƯỚC.

Giai đoạn 2015-2017, mặc dù gặp không ít khó khăn, xong đơn vị đã cố gắng nỗ lực quyết tâm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế xã hội được giao.

a, Thực hiện các chỉ tiêu:

- Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2015-2017, Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Liền Sơn thực hiện nhiệm vụ tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp với tổng diện tích: 180.096,27 ha của 7 huyện, thị, thành trên địa bàn tỉnh và một phần diện tích của phường Bạch Hạc - Việt Trì - Phú Thọ.

+ Tổng doanh thu đạt: 329,03 tỷ đồng, trong đó:

- Doanh thu thủy lợi phí: 291,09 tỷ đồng
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp: 21,54 tỷ đồng
- Doanh thu khác: 16,4 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 3,0 tỷ đồng

+ Nộp ngân sách: 1,98 tỷ đồng

(Chi tiết biểu số 1 kèm theo)

b, Tiến độ thực hiện các dự án từ 2015-2017:

Giai đoạn 2015-2017, kế hoạch cấp vốn cho đầu tư phát triển là 161,11 tỷ đồng và đến 31/12/2017 đã được quyết toán 151,28 tỷ đồng. Trong đó đầu tư cho công trình mới là 36 công trình với nguồn vốn phân bổ 83 tỷ đồng, cụ thể:

Năm 2015, được đầu tư 11 công trình mới với tổng kinh phí 23,76 tỷ đồng đầu tư cho các công trình kiên cố hóa kênh mương thực hiện nghị quyết 29/2011/NQ-HĐND các xã đăng ký đạt chuẩn NTM năm 2015.

Năm 2016, được đầu tư 14 công trình mới với kinh phí phân bổ là 27,35 tỷ đồng, ưu tiên cho các công trình, dự án thuộc các xã điểm thực hiện chương trình nông thôn mới, góp phần cùng các nguồn vốn xã hội hóa, hoàn thành các tiêu chí về nông thôn mới trong năm 2016.

Năm 2017, được đầu tư 11 công trình mới với kinh phí phân bổ 31,89 tỷ đồng, ưu tiên cho các công trình, dự án thuộc các xã điểm thực hiện chương trình nông thôn mới, góp phần cùng các nguồn vốn xã hội hóa, hoàn thành các tiêu chí về nông thôn mới trong năm 2017.

*Tiến độ thực hiện các dự án còn tồn tại, vướng mắc:

+ Do đặc thù công trình thủy lợi kênh vừa thi công, vừa phải phục vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp nên một số công trình thi công còn chậm so với tiến độ.



+ Do kế hoạch phân bổ vốn đầu năm còn ít thường dồn vào cuối năm cũng ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình.

+ Chính sách về XDCB luôn có nhiều thay đổi, giá cả thị trường luôn biến động theo chiều tăng, giá thông báo giá không cập nhật với thực tế, đã làm ảnh hưởng đến công tác điều chỉnh dự án nên tiến độ triển khai một số dự án còn bị chậm so với kế hoạch.

+ Công tác giải phóng mặt bằng một số công trình gặp nhiều khó khăn do giá đền bù của nhà nước không cập với giá thị trường.

* Phương hướng khắc phục:

+ Về đầu tư XDCB: Thực hiện các dự án đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước về XDCB. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng, khối lượng công trình được thi công. Đẩy nhanh tiến độ các công trình thi công, cải tạo, nâng cấp kênh mương đã được ghi vốn trong kỳ kế hoạch. Phản đầu hoàn thành các dự án chuyển tiếp, hoàn thiện hồ sơ quyết toán những công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao các công trình đã thi công xong và đưa vào phục vụ sản xuất. Phản đầu hoàn thành 100% về XDCB năm kế hoạch.

(Có Phụ biểu chi tiết kèm theo)

c, Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm từ 2015-2017.

Thực hiện các quyết định của UBND tỉnh Vĩnh Phúc v/v bàn giao các công trình thuỷ lợi từ các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh cho các Công ty TNHH MTV thuỷ lợi quản lý với tổng diện tích mặt bằng gieo trồng hơn 25.000 ha. Ngoài ra, còn phục vụ cho phường Bạch Hạc - thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.

- Các công trình thủy lợi địa phương kể từ khi nhận bàn giao đến nay đã xuống cấp, một số công trình đã được sửa chữa kịp thời. Một số công trình đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp nên đã phát huy được hiệu quả. Công tác điều hành thống nhất. Những vùng khó khăn về nguồn nước đã được Công ty khắc phục bằng máy bơm dầu, bơm điện đã chiến đã đáp ứng được yêu cầu phục vụ tưới tiêu của bà con nông dân.

- Điều kiện thời tiết mấy năm trở lại đây rất khắc nghiệt, hạn hán vụ chiêm, úng lụt vụ mùa thường xuyên xảy ra. Xong công tác phục vụ tưới tiêu nước luôn đảm bảo đã đáp ứng yêu cầu phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Đội ngũ cán bộ, công nhân trạm thủy lợi cơ sở đã được công ty tạo điều kiện cho đi học tập để nâng cao kiến thức tay nghề. Vì vậy, công tác phục vụ luôn đạt hiệu quả.

Trong 3 năm 2015-2017 Công ty luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

d, Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh.

- **Thuận lợi:**

+ Được sự quan tâm của Tỉnh, sự tạo điều kiện giúp đỡ của các Sở, Ban, Ngành, các địa phương trong tỉnh, giai đoạn 2015-2017. Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp được giao.

+ Hệ thống kênh chính, kênh nhánh đã được đầu tư bê tông hóa nên công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp ngày càng được phát huy và đạt hiệu quả hơn.

- **Khó khăn.**

+ Tình hình khí hậu thủy văn 2015-2017, diễn biến phức tạp khó lường. Hạn hán, ngập úng có thể xảy ra bất kỳ thời điểm nào trong năm. Đặc biệt đầu vụ chiêm xuân, tỷ lệ gieo cấy cao, nguồn nước khan hiếm cạn kiệt. Vụ mùa, nắng nóng nhiệt độ cao, thường xuất hiện những cơn mưa lớn đột ngột gây úng lụt diện rộng, làm cho công tác tiêu úng gặp nhiều

khó khăn. Vụ đông diện tích gieo trồng không ổn định. Mấy năm gần đây mặc dù được Tỉnh hỗ trợ nên diện tích gieo trồng đã tăng lên. Song giá cả thị trường biến động, tâm lý người dân không mặn mà với đồng ruộng đã tự ý bỏ ruộng không gieo trồng, nên kết quả gieo trồng cây vụ đông còn thấp hơn nhiều so kế hoạch.

+ Diện tích phục vụ của Công ty bằng 2/3 diện tích đất nông nghiệp trong toàn tỉnh, địa bàn phức tạp, nhiều nơi ruộng đồng manh mún, nhỏ lẻ, cao cục bộ và những vùng cuối kênh thuộc Vĩnh Tường, Yên Lạc, Móng Cái, Bình Xuyên. Đặc biệt vào đầu vụ chiêm xuân, do nguồn nước sông hồ xuống quá mực nước mìn cho phép nên các trạm bơm lớn không thể vận hành được. Đơn vị phải chi phí lắp đặt thêm rất nhiều máy bơm điện, đầu dâ chiên để bơm nhiều cấp phục vụ, chi phí cho công tác tưới tiêu cao hơn nhiều so với định mức do nhà nước quy định.

+ Các công trình của địa phương bàn giao bị xuống cấp, máy móc cũ nát, từ lâu chưa được đầu tư cải tạo nâng cấp. Hệ thống kênh nội đồng đa phần là kênh đất, khi điều nước hay bị vỡ lở, nước chảy tràn lan gây nhiều lãng phí. Công ty chỉ đủ kinh phí sửa chữa chấp vá tạm thời để kịp phục vụ sản xuất.

+ Nguồn điện cho các trạm bơm địa phương đa phần đi chung với điện sinh hoạt nên giá cả chênh lệch cao hơn nhiều so với giá quy định của ngành điện. Mặt khác vào giờ cao điểm không đủ tải, hay gây cháy hỏng động cơ. Giá điện tăng làm chi phí tiền bơm điện tăng cao.

+ Hiện tượng rác thải ở khu dân cư xả xuống lòng kênh ngày càng nhiều, đã có biện pháp xử lý nhưng còn gặp nhiều khó khăn. Tình trạng vi phạm công trình thủy lợi vẫn còn xảy ra do các dự án thi công qua các công trình thủy lợi, do lấn chiếm, bồi lấp lòng kênh. Nhà thầu thi công các dự án qua công trình thủy lợi còn gây khó khăn trong việc giải quyết khi có tranh chấp xảy ra.

+ Cấp ứng thủy lợi phí đầu năm còn chậm, đơn vị gặp rất nhiều khó khăn về nguồn vốn, để duy trì hoạt động đơn vị phải vay vốn của các ngân hàng thương mại.

+ Đơn vị sản xuất kinh doanh ngoài còn gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm việc làm.

+ Mức giá về phí dịch vụ nội đồng trên địa bàn tỉnh còn quá thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

đ, Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.

Quản lý khai thác tốt hệ thống công trình thủy lợi, giữ ổn định kinh doanh chính, mở rộng kinh doanh đa ngành để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty.

Trong điều kiện thời tiết diễn biến khắc nghiệt, khó lường cùng tác động của nhiều yếu tố khách quan, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và công tác kinh doanh của Công ty. Trong những năm tiếp theo Công ty tiếp tục khắc phục mọi khó khăn để thực hiện nhiệm vụ tưới tiêu cho trên 63.000 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp và cấp nước nuôi trồng thủy sản của 7 huyện, thành, thị trong tỉnh và mở rộng sản xuất kinh doanh đảm bảo việc làm và đời sống ổn định.

- Về hiệu quả sản xuất kinh doanh: Tổng doanh thu hàng năm bình quân trên 100 tỷ đồng.

- Tình hình tài chính: Hàng năm Công ty lãi bình quân trên 500 triệu đồng, đóng góp vào ngân sách nhà nước gần 900 triệu đồng/năm.

- Lao động: CBCNV bình quân 400 người, công nhân trạm thủy lợi cơ sở bình quân 500 người. Thu nhập bình quân cho CBCNV trên 5 triệu đồng/người/tháng.

- Quản lý, bảo vệ, sửa chữa các công trình thủy lợi: Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi, ngăn chặn kịp thời hiện tượng vi phạm công trình thủy lợi, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương vận động tuyên truyền người dân thực hiện nghiêm pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi: Thực hiện trình tự về xây dựng cơ bản theo đúng quy định của nhà nước, đảm bảo tiến độ, kỹ thuật, chất lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất của công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn, trình UBND tỉnh phê duyệt./W

Nơi gửi:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT(b/c);
- Lưu KH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Quân

BIỂU SÓ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số: 721 /KH-TLLS ngày 06 /6/2018 của Công ty TNHH MTV THỦY LỢI LIỀN SƠN

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
1	Sản phẩm chủ yếu					
a						
b						
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	114,99	110,09	103,95	105,77
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,90	1,61	0,49	-
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,63	0,64	0,71	0,27
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	ha	62.354,41	59.780,70	57.961,16	60.856,49
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	73,26	48,62	48,62	33,61
a	- Nguồn ngân sách	"	73,26	48,62	48,62	33,61
b	- Vốn vay	"				
c	- Vốn khác	"				
8	Tổng lao động	Người	397	417	419	431
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	23,87	27,33	28,88	30,44
a	- Quỹ lương quản lý	"	1,05	1,42	1,91	2,07
b	- Quỹ lương lao động	"	22,82	25,91	26,97	28,37

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI LIỀN SƠN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Quân

BÁO CÁO THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CỦA CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI LIỀN SƠN
GIAI ĐOẠN 2015-2017

(Kèm theo Báo cáo số: 721/KH-TLLS ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn

TT	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí đến 31/12/2014				Kế hoạch năm 2015				Thực hiện đến 31/12/2015				Vốn đã phân bố đến 31/12/2015	Ghi chú		
			Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
				Tổng số	NSNN		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác				
	NĂM 2015 + 2016 +2017			552.113,30	552.113,30	237.556,64	237.556,64		161.111,15	161.111,15		151.284,34	151.284,34		390.060,93						

(Theo Quyết định số: 63/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014; Quyết định số: 323/QĐ-CT ngày 04/02/2015; Quyết định số: 1457/QĐ-UBND ngày 29/5/2015)

	NĂM 2015			263.150,53	263.150,53	124.893,12	124.893,12		73.264,75	73.264,75		69.957,95	69.957,95		194.851,07		
1	Công trình quyết toán			125.230,10	125.230,10	89.363,12	89.363,12	-	18.138,33	18.138,33	-	18.138,31	18.138,31	-	107.501,43		
1	CTNC trạm bơm Chia Tư và kéo dài kênh xã Liên Hòa, huyện Lập Thạch	Xã Liên Hòa	1690/QĐ-CT ngày 23/7/2012	2.206,10	2.206,10	1.120,00	1.120,00		581,00	581,00		581,00	581,00		1.701,00		
2	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Liên Châu, huyện Yên Lạc	Xã Liên Châu	2824/QĐ-CT ngày 30/10/2012	2.464,70	2.464,70	1.970,00	1.970,00		117,50	117,50		117,50	117,50		2.087,50		
3	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc	Xã Nguyệt Đức	2759/QĐ-CT ngày 25/10/2012	2.794,12	2.794,12	2.240,00	2.240,00		153,90	153,90		153,90	153,90		2.393,90		
4	Xây dựng cầu Bình Trù xã Cao Đại, huyện Vĩnh Tường qua kênh 6B.	huyện Vĩnh Tường	2384/QĐ-CT ngày 24/08/2010	6.496,00	6.496,00	5.200,00	5.200,00		734,00	734,00		734,00	734,00		5.934,00		
5	Xây dựng cầu Yên Bình qua KCTN xã Yên Bình - Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	2332/QĐ-CT ngày 18/08/2010	6.655,00	6.655,00	5.300,00	5.300,00		751,30	751,30		751,30	751,30		6.051,30		
6	CTNC các tuyến kênh nhánh lấy nước từ kênh chính, kênh N1, kênh N2 hệ thống tưới vùng bãi trạm bơm Liễu Trì, huyện Vĩnh Tường.	huyện Vĩnh Tường	QĐ quyết toán số 3828/QĐ-CT ngày 27/12/2013	8.686,12	8.686,12	7.663,00	7.663,00		1.023,10	1.023,10		1.023,10	1.023,10		8.686,10		

MSQD

TT	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí đến 31/12/2014			Kế hoạch năm 2015			Thực hiện đến 31/12/2015			Vốn đã phân bổ đến 31/12/2015	Ghi chú		
			Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
				Tổng số	NSNN		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác				
7	CTNC trạm bơm Đốc Chùa, thị trấn Hoa Sơn, huyện Lập Thạch	Lập Thạch	1696/QĐ-CT ngày 23/7/2012	1.812,10	1.812,10	940,00	940,00		533,00	533,00		533,00	533,00		1.473,00			
8	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc	huyện Yên Lạc	2820/QĐ-CT ngày 30/10/2012	2.294,30	2.294,30	1.850,00	1.850,00		249,40	249,40		249,40	249,40		2.099,40			
9	CTNC kênh 6B đoạn từ K9+300-K14+578 (Hạng mục gói thầu số 01, đoạn từ K9+300-K11+134(phần khởi lượng chưa thi công) và quyết toán toàn dự án	huyện Vĩnh Tường	3768/QĐ-CT ngày 22/10/2004	9.962,00	9.962,00	8.689,72	8.689,72		643,90	643,90		643,88	643,88		9.333,60			
10	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	2822/QĐ-CT ngày 30/10/2012	1.631,03	1.631,03	1.296,70	1.296,70		180,80	180,80		180,80	180,80		1.477,50			
11	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Vân Hội, huyện Tam Dương	Tam Dương	2825/QĐ-CT ngày 30/10/2012	2.359,87	2.359,87	1.814,90	1.814,90		124,20	124,20		124,20	124,20		1.939,10			
12	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Định Chủ, huyện Lập Thạch	Lập Thạch	2823/QĐ-CT ngày 30/10/2012	2.349,00	2.349,00	1.880,00	1.880,00		204,00	204,00		204,00	204,00		2.084,00			
13	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Thượng Trung, huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	2850/QĐ-CT ngày 30/10/2012	2.608,80	2.608,80	1.893,44	1.893,44		122,80	122,80		122,80	122,80		2.016,24			
14	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Tân Phong, huyện Bình Xuyên (Hạng mục: Gói thầu số 01,02 và quyết toán toàn dự án)	Xã Tân Phong	2848/QĐ-CT ngày 30/10/2012	2.999,15	2.999,15	2.400,00	2.400,00		445,20	445,20		445,20	445,20		2.845,20			

TT	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí đến 31/12/2014			Kế hoạch năm 2015			Thực hiện đến 31/12/2015			Vốn đã phân bổ đến 31/12/2015	Ghi chú		
			Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
				Tổng số	NSNN		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác				
15	CTNC các tuyến kênh nhánh lấy nước từ kênh chính ta ngạn thuộc hệ thống thủy nông Liễn Sơn địa phận huyện Yên Lạc và huyện Bình Xuyên(Hạng mục: Gói thầu số 2: gồm 17 tuyến kênh địa phận huyện Bình Xuyên và 8 tuyến kênh huyện Yên Lạc và quyết toán toàn dự án)	Bình Xuyên	1139/QĐ-CT ngày 22/5/2012	28.170,00	28.170,00	16.795,00	16.795,00		4.684,00	4.684,00		4.684,00	4.684,00		21.479,00			
16	Trạm bơm Hoàng Xá Đông và hệ thống kênh tưới xã Vĩnh Thịnh & Phú Đa huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	1656/QĐ-CT ngày 19/7/2012	3.398,03	3.398,03	1.559,99	1.559,99		1.586,89	1.586,89		1.586,89	1.586,89		3.146,88			
17	CTNC trạm bơm và kéo dài kênh N2 hệ thống tưới vùng bãi TB Lũng Hạ huyện Yên Lạc (Hạng mục: gói thầu số 2 và kiến thiết cơ bản khác)	huyện Yên Lạc	545/QĐ-CT ngày 01/3/2010	28.295,11	28.295,11	18.712,27	18.712,27		5.405,00	5.405,00		5.405,00	5.405,00		24.117,27			
18	CTNC kênh Liên Hiệp - Thượng Trung - Thô Tang	huyện Vĩnh Tường	1887/QĐ-CT ngày 04/7/2007	4.951,76	4.951,76	3.968,14	3.968,14		41,00	41,00		41,00	41,00		4.009,14			
19	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Đạo Tú, huyện Tam Dương	Tam Dương	2763/QĐ-CT ngày 25/10/2012	2.717,05	2.717,05	2.169,96	2.169,96		344,74	344,74		344,74	344,74		2.514,70			
20	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương	Tam Dương	2762/QĐ-CT ngày 25/10/2012	2.379,86	2.379,86	1.900,00	1.900,00		212,60	212,60		212,60	212,60		2.112,60			
II Công trình chuyển tiếp				99.434,83	99.434,83	35.530,00	35.530,00		31.370,00	31.370,00		28.063,22	28.063,22		63.593,22			
1	CTNC các tuyến kênh nhánh lấy nước từ kênh chính, kênh N1, kênh N2 hệ thống tưới vùng bãi trạm bơm Liễu Tri, huyện Vĩnh Tường.	huyện Vĩnh Tường	2070/QĐ-CT ngày 3/8/2015	6.403,80	6.403,80	-	-		3.800,00	3.800,00		3.800,00	3.800,00		3.800,00			

TT	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí đến 31/12/2014			Kế hoạch năm 2015			Thực hiện đến 31/12/2015			Vốn đã phân bổ đến 31/12/2015	Ghi chú		
			Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
				Tổng số	NSNN		NS Tỉnh	Nguồn khác		NS Tỉnh	Nguồn khác		NS Tỉnh	Nguồn khác				
2	Trạm bơm dã chiến khu vực Bãi Vụt thôn Hoàng Thượng và Hạ Chué xã Kim Xá	huyện Vĩnh Tường	1371/QĐ-CT ngày 21/6/2012	3.913,20	3.913,20	2.100,00	2.100,00		700,00	700,00		700,00	700,00		2.800,00			
3	Xây dựng trạm bơm tưới và hệ thống kênh tưới vùng bãi xã Cao Đại huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	2689/QĐ-CT ngày 23/2012	3.212,70	3.212,70	1.490,00	1.490,00		800,00	800,00		800,00	800,00		2.290,00			
4	Xây dựng trạm bơm tưới và hệ thống kênh tưới vùng bãi xã Lý Nhân huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	20/QĐ-CT ngày 6/1/2014	6.035,00	6.035,00	100,00	100,00		3.300,00	3.300,00		2.609,72	2.609,72		2.709,72			
5	Trạm bơm Đồng Rùa và hệ thống kênh tưới xã An Tường và xã Vĩnh Thịnh huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	657/QĐ-CT ngày 15/3/2013	7.843,00	7.843,00	3.270,00	3.270,00		2.200,00	2.200,00		2.200,00	2.200,00		5.470,00			
6	Trạm bơm dã chiến Bãi Vụt trên và hệ thống kênh tưới xã Yên Lập, huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	2534/QĐ-CT ngày 05/10/2012	1.868,00	1.868,00	640,00	640,00		370,00	370,00		370,00	370,00		1.010,00			
7	Trạm bơm dã chiến Bãi Vụt dưới và hệ thống kênh tưới xã Yên Lập, huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	2231/QĐ-CT ngày 24/8/2011	3.378,20	3.378,20	830,00	830,00		1.400,00	1.400,00		1.400,00	1.400,00		2.230,00			
8	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh chính tá ngạn, kênh 6A, kênh 6B thuộc hệ thống TNLS <i>(Hạng mục: Đoạn di qua xã An Hòa, huyện Tam Dương từ K4+841-K5+569, bờ ta; từ K5+963-K7+642,5 và K11+197-K13+025 bờ hữu)</i>	Tam Đương	Số: 3163/QĐ- CT ngày 29/10/2010	7.321,06	7.321,06	2.300,00	2.300,00		3.500,00	3.500,00		3.500,00	3.500,00		5.800,00			
9	Xây dựng trạm bơm tiêu Kiên Son - xã Đạo Đức - huyện Bình Xuyên - tỉnh VP	xã Đạo Đức	3928/QĐ-CT này 31/12/2013	16.058,00	16.058,00	5.500,00	5.500,00		5.000,00	5.000,00		5.000,00	5.000,00		10.500,00			
10	Nâng cao bờ Hội, thị trấn Thanh Lãng - huyện Bình Xuyên	Thanh Lãng	3925/QĐ-CT ngày 31/12/2013	3.639,00	3.639,00	1.800,00	1.800,00		1.000,00	1.000,00		1.000,00	1.000,00		2.800,00			
11	Nâng cao bờ bao Đàm Cói, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên	P. Hội Hợp	3931/QĐ-CT ngày 31/12/2013	1.030,00	1.030,00	500,00	500,00		300,00	300,00					500,00			

TT	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí đến 31/12/2014			Kế hoạch năm 2015			Thực hiện đến 31/12/2015			Vốn đã phân bổ đến 31/12/2015	Ghi chú		
			Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
				Tổng số	NSNN		NS Tỉnh	Nguồn khác		NS Tỉnh	Nguồn khác		NS Tỉnh	Nguồn khác				
12	Nâng cao bờ bao Dâм Sung, Măng Con xã Thanh Trù, tp Vĩnh Yên	Xã Thanh Trù	3924/QĐ-CT ngày 31/12/2013	1.049,00	1.049,00	500,00	500,00		300,00	300,00		300,00	300,00		800,00			
13	Nâng cao bờ bao đầm Cốc, Đồng Quán, Gốc Bống xã Đồng Cường, huyện Yên Lạc	Xã Đồng Cường	3926/QĐ-CT ngày 31/12/2013	3.976,90	3.976,90	2.000,00	2.000,00		800,00	800,00		374,00	374,00		2.374,00			
14	Nâng cao bờ bao tuyến kênh Áp Bắc xã Nguyệt Đức, Yên Phương, huyện Yên Lạc	huyện Yên Lạc	3920/QĐ-CT ngày 31/12/2013	11.133,00	11.133,00	5.500,00	5.500,00		3.000,00	3.000,00		1.109,50	1.109,50		6.609,50			
15	Nâng cao bờ bao kênh xá trạm bơm Đầm Cá, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên	TT Hương Canh	3929/QĐ-CT ngày 31/12/2013	839,00	839,00	400,00	400,00		200,00	200,00		200,00	200,00		600,00			
16	Nâng cấp trạm bơm Quai Xanh - Phú Xuân, xã Phú Xuân, huyện Bình Xuyên	Xã Phú Xuân	3927/QĐ-CT ngày 31/12/2013	3.063,70	3.063,70	1.200,00	1.200,00		700,00	700,00		700,00	700,00		1.900,00			
17	Trạm bơm cấp nước đầu kênh chính hữu ngạn	Xã Thái Hòa	2141/QĐ-CT ngày 11/8/2014	11.815,00	11.815,00	4.000,00	4.000,00		2.000,00	2.000,00		2.000,00	2.000,00		6.000,00			
18	Nâng cao bờ bao khu vực trạm bơm Ruộng Trũng, trạm bơm Nhà Cũ, xã Vĩnh Sơn, TT Thủ Tang, huyện Vĩnh Tường		Số 3923/QĐ-CT ngày 31/12/2013	757,00	757,00	400,00	400,00		200,00	200,00		200,00	200,00		600,00			
19	Xử lý sạt lở bờ Tả sông Lô thôn Việt An, xã Việt Xuân, huyện Vĩnh Tường		1520/QĐ-CT ngày 04/6/2014	6.099,27	6.099,27	3.000,00	3.000,00		1.800,00	1.800,00		1.800,00	1.800,00		4.800,00			
III Công trình mới				38.485,60	38.485,60	-	-	-	23.756,42	23.756,42	-	23.756,42	23.756,42	-	23.756,42			
I	Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh tiêu liên xã địa phận xã Đồng Tinh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Hạng mục: Tuyến kênh Đại Định - Cầu Gáo - Sông Phan.	Tam Dương	3165/QĐ-CT ngày 30/10/2014	3.489,50	3.489,50	-	-	-	208,42	208,42	-	208,42	208,42	-	208,42			

TT	Chỉ tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí đến 31/12/2014			Kế hoạch năm 2015			Thực hiện đến 31/12/2015			Vốn đã phân bổ đến 31/12/2015	Ghi chú		
			Số quyết định	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
				Tổng số	NSNN		NS Tỉnh	Nguồn khác		NS Tỉnh	Nguồn khác		NS Tỉnh	Nguồn khác				
2	Cầu thôn Nội xã Yên Bình huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	2813/QĐ-CT ngày 14/10/2014	9.609,80	9.609,80	-			3.500,00	3.500,00		3.500,00	3.500,00		3.500,00			
3	KCH các tuyến kênh loại III xã Vĩnh Sơn xây dựng nông thôn mới	huyện Vĩnh Tường	3012/QĐ-CT ngày 29/10/2014	6.087,70	6.087,70	-			4.870,00	4.870,00		4.870,00	4.870,00		4.870,00			
4	KCH các tuyến kênh loại III xã Cao Đại xây dựng nông thôn mới	huyện Vĩnh Tường	3010/QĐ-CT ngày 29/10/2014	3.124,60	3.124,60	-			2.548,00	2.548,00		2.548,00	2.548,00		2.548,00			
5	KCH các tuyến kênh loại III xã Tuần Chính xây dựng nông thôn mới	huyện Vĩnh Tường	3013/QĐ-CT ngày 29/10/2014	4.939,30	4.939,30	-			3.950,00	3.950,00		3.950,00	3.950,00		3.950,00			
6	KCH các tuyến kênh loại III xã Đại Tự xây dựng nông thôn mới	huyện Yên Lạc	3011/QĐ-CT ngày 29/10/2014	3.714,10	3.714,10	-			2.970,00	2.970,00		2.970,00	2.970,00		2.970,00			
7	KCH các tuyến kênh loại III xã Hồng Phương xây dựng nông thôn mới	huyện Yên Lạc	3014/QĐ-CT ngày 29/10/2014	1.135,20	1.135,20	-			900,00	900,00		900,00	900,00		900,00			
8	KCH các tuyến kênh loại III xã Yên Phương xây dựng nông thôn mới	huyện Yên Lạc	3015/QĐ-CT ngày 29/10/2014	589,20	589,20	-			470,00	470,00		470,00	470,00		470,00			
9	KCH các tuyến kênh loại III xã Thanh Văn xây dựng nông thôn mới	Tam Đương	3017/QĐ-CT ngày 29/10/2014	1.973,90	1.973,90	-			1.580,00	1.580,00		1.580,00	1.580,00		1.580,00			
10	KCH các tuyến kênh loại III xã Hoàng Lâu xây dựng nông thôn mới	Tam Đương	3016/QĐ-CT ngày 29/10/2014	3.160,00	3.160,00	-			2.230,00	2.230,00		2.230,00	2.230,00		2.230,00			
11	KCH các tuyến kênh loại III xã Sơn Đông xây dựng nông thôn mới	Lập Thạch	3106/QĐ-CT ngày 30/10/2014	662,30	662,30	-			530,00	530,00		530,00	530,00		530,00			

TT	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí đến 31/12/2015			Kế hoạch năm 2016			Thực hiện đến 31/12/2016			Vốn đã phân bổ đến 31/12/2016	Ghi chú		
			Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
				Tổng số	NSNN		NS Tình	Nguồn khác		NS Tình	Nguồn khác		NS Tình	Nguồn khác				
	NĂM 2016			183.728,70	183.728,70	71.402,52	71.402,52	-	44.350,10	44.350,10	-	42.850,04	42.850,04	-	110.452,56			
(Theo Quyết định số: 48/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015; Quyết định 1982/QĐ-UBND ngày 14/6/2016; Quyết định số 1630/QĐ-CT ngày 13/5/2016; Quyết định 1960/QĐ-UBND ngày 13/6/2016; Quyết định 1960/QĐ-UBND ngày 13/6/2016; Quyết định 1788/QĐ-UBND ngày 27/5/2016; Quyết định 2806/QĐ-UBND ngày 30/8/2016)																		
I	Công trình quyết toán			91.058,00	91.058,00	47.174,10	47.174,10	-	5.655,10	5.655,10	-	5.655,04	5.655,04	-	52.829,14			
1	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng nông thôn mới xã Tam Phúc, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Số 823/QĐ-CT ngày 06/4/2015	778,8	778,8	620,0	620,0		46,0	46,0		46,00	46,00		666,00			
2	Bê tông hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Triệu Đè	huyện Lập Thạch	Số 2772/QĐ-CT ngày 12/10/2015	287,4	287,4	230,0	230,0		11,4	11,4		11,40	11,40		241,40			
3	Cải tạo, nâng cấp hồ Dộc San xã Liên Hòa, huyện Lập Thạch	huyện Lập Thạch	Số 1856/QĐ-CT ngày 07/7/2015	1.120,7	1.120,7	580,0	580,0		293,9	293,9		293,90	293,90		873,90			
4	Nâng cao bờ bao khu vực trạm bom Ruộng Trũng, Nhà Cũ xã Vĩnh Sơn, TT Thủ Tang, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Số 1804/QĐ-CT ngày 02/7/2015	756,9	756,9	600,0	600,0		5,4	5,4		5,40	5,40		605,40			
5	Xử lý sạt lở bờ Tả sông Lô thôn Việt An, xã Việt Xuân	Vĩnh Tường	Số 1803/QĐ-CT ngày 02/7/2015	6.099,3	6.099,3	4.800,0	4.800,0		321	321		321,00	321,00		5.121,00			
6	Cải tạo trực tiêu Duy Phiên - Vân Hội - Hợp Thịnh, huyện Tam Dương	Tam Dương	Số 2086/QĐ-CT ngày 03/08/2015	2.748,6	2.748,6	1.987,0	1.987,0		346,7	346,7		346,70	346,70		2.333,70			
7	Cải tạo, nâng cấp trạm bom và kéo dài kênh N2 hệ thống tưới trại bom Lũng Hạ, huyện Yên Lạc. Hạng mục: chi phí đền bù GPMB; chi phí thành lập bản đồ địa chính và quyết toán toàn dự án	Yên Lạc	Số 2329/QĐ-CT ngày 27/8/2015	28.295,1	28.295,1	24.117,0	24.117,0		1893,7	1893,7		1.893,70	1.893,70		26.010,70			

TT	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Vốn đã phân bổ đến 31/12/2016	Ghi chú
				Tổng số	NSNN		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác		
8	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh chính tả ngắn, kênh 6A, kênh 6B thuộc hệ thống thủy nông Liễn Sơn. Hạng mục: gói thầu số 01: CTNC mặt bờ kênh đoạn từ K4+841-K5+569,5(T); K5+963-K7+642,5(H); K11+197-K13+025(H) kênh chính tả ngắn đoạn đi qua xã An Hòa	Tam Dương	Số 3120/QĐ-CT ngày 30/10/2015	42.250,0	42.250,0	5.800,0	5.800,0		1.272,4	1.272,4		1.272,40	1.272,40		7.072,40	
9	Kiên cố hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Thái Hòa huyện Lập Thạch	huyện Lập Thạch	Số 1202/QĐ-CT ngày 31/03/2016	3.769	3.769	3.550,0	3.550,0		219,1	219,1		219,10	219,10		3.769,10	
10	Trạm bơm Quai Xanh xã Phú Xuân	Bình Xuyên	Số 04/QĐ-CT ngày 07/01/2016 Số 3518/QĐ-CT ngày 11/12/2015	3.064	3.064	1.900,0	1.900,0		784,0	784,0		784,00	784,00		2.684,00	
11	Nâng cao bờ bao kênh xã trạm bơm Đàm Cá, huyện Bình Xuyên	Bình Xuyên		839	839	600,0	600,0		139,0	139,0		139,00	139,00		739,00	
12	Nâng cao bờ bao Đàm Sung, Măng Con xã Thanh Trù	xã Thanh Trù, Vĩnh Yên	Số 3712/QĐ-CT ngày 24/12/2015	1.049	1.049	800,0	800,0		102,0	102,0		102,00	102,00		902,00	
13	Bê tông hóa kênh loại III xã Hồng Phương	xã Hồng Phương	Số 1521/QĐ-CT ngày 5/5/2016			1.051,0	1.051,0		151,4	151,4		151,34	151,34		1.202,34	
14	Bê tông hóa kênh loại III xã Yên Phương	xã Yên Phương	Số 1788/QĐ-CT ngày 23/5/2016			539,1	539,1		69,1	69,1		69,10	69,10		608,20	
II Công trình chuyển tiếp				46.117,70	46.117,70	24.228,42	24.228,42		11.340,00	11.340,00		9.840,00	9.840,00		30.268,42	
1	CTNC kênh nhánh lấy nước từ kênh chính, kênh N1, kênh N2 hệ thống tưới vùng bãi trạm bơm Liễu Trì(bổ sung 10 tuyến - GD2)	Vĩnh Tường	Số 2070/QĐ-CT ngày 03/8/2015	6.403,80	6.403,80	3.800,00	3.800,00		1.320,00	1.320,00		1.320,00	1.320,00		1.320,00	
2	Trạm bơm cấp nước đầu kênh chính hữu ngắn -hệ thống thuỷ lợi Liễn Sơn	Lập Thạch	Số 2141/QĐ-CT ngày 11/8/2014	11.815,00	11.815,00	6.000,00	6.000,00		2.300,00	2.300,00		2.300,00	2.300,00		8.300,00	

TT	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí đến 31/12/2015			Kế hoạch năm 2016			Thực hiện đến 31/12/2016			Vốn đã phân bổ đến 31/12/2016	Ghi chú		
			Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
				Tổng số	NSNN		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác				
3	Trạm bơm dã chiến Bãi Vật dưới và hệ thống kênh tưới xã Yên Lập huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	Số2231/QĐ- CT ngày 24/8/2011	3.378,20	3.378,20	2.230,00	2.230,00		470,00	470,00		470,00	470,00		2.700,00			
4	Xây dựng trạm bơm tưới và hệ thống kênh tưới vùng bãi xã Cao Đại - Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	Số2690/QĐ- CT ngày 24/9/2010	3.860,70	3.860,70	2.290,00	2.290,00		500,00	500,00		500,00	500,00		2.790,00			
5	Trạm bơm dã chiến khu vực Bãi Vật thôn Hoàng Thượng và Hạ Chuê xã Kim Xá huyện Vĩnh Tường	huyện Vĩnh Tường	Số 2815/QĐ- CT ngày 6/10/2010	3.913,20	3.913,20	2.800,00	2.800,00		330,00	330,00		330,00	330,00		3.130,00			
6	Xây dựng TB tưới Lý Nhân hệ thống tưới Lý Nhân	Vĩnh Tường	Số 2711/QĐ- CT ngày27/9/2010 Số 2711/QĐ- CT ngày 12/9/2014	6.035,00	6.035,00	3.400,00	3.400,00		1.420,00	1.420,00		1.420,00	1.420,00		4.820,00			
7	Cầu thôn Nội xã Yên Bình	Vĩnh Tường		9.610,00	9.610,00	-3.500,00	3.500,00		3.500,00	3.500,00		3.500,00	3.500,00		7.000,00			
8	Cải tạo, nạo vét các tuyến kênh tiêu xã Đồng Tịnh, Hợp Hòa - Tam Dương(tuyến kênh đại định cầu gáo)	Tam Dương	Số 2030/QĐ- CT ngày 06/8/2013	1.101,80	1.101,80	208,42	208,42		1.500,00	1.500,00						208,42		
III Công trình mới				46.553,00	46.553,00				27.355,00	27.355,00		27.355,00	27.355,00		27.355,00			
1	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Lý Nhân huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Số1940/QĐ- CT ngày17/7/2015	985,00	985,00				788,00	788,00		788,00	788,00		788,00			
2	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Trung Nguyên huyện Yên Lạc	Yên Lạc	Số 2893/QĐ- CT ngày 21/10/2015 Số 2890/QĐ- CT	2.603,00	2.603,00				2.083,00	2.083,00		2.083,00	2.083,00		2.083,00			
3	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Tam Hồng huyện Yên Lạc	Yên Lạc	Số 2890/QĐ- CT ngày21/10/201	4.592,00	4.592,00				3.674,00	3.674,00		3.674,00	3.674,00		3.674,00			
4	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Bàn Gián huyện Lập Thạch	Lập Thạch	Số 2891/QĐ- CT ngày 21/10/2015	1.474,00	1.474,00				1.181,00	1.181,00		1.181,00	1.181,00		1.181,00			
5	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Tè Lỗ huyện Yên Lạc	Yên Lạc	Số 1903/QĐ- CT ngày 13/7/2015	1.891,00	1.891,00				1.513,00	1.513,00		1.513,00	1.513,00		1.513,00			
6	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Đạo Đức huyện Bình Xuyên	Bình Xuyên	Số 2935/QĐ- CT ngày 23/10/2015	3.443,00	3.443,00				2.480,00	2.480,00		2.480,00	2.480,00		2.480,00			

STT	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí đến 31/12/2015			Kế hoạch năm 2016			Thực hiện đến 31/12/2016			Vốn đã phân bổ đến 31/12/2016	Ghi chú		
			Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
				Tổng số	NSNN		NS Tỉnh	Nguồn khác		NS Tỉnh	Nguồn khác		NS Tỉnh	Nguồn khác				
7	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Bình Định huyện Yên Lạc	Yên Lạc	Số 2962/QĐ-CT ngày 27/10/2015	3.457,00	3.457,00	-	-	-	2.765,00	2.765,00	-	2.765,00	2.765,00	-	2.765,00			
8	Dịch chuyên trạm bơm Xóm Cum và kiên cố hóa một số tuyến kênh xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Số 1034/QĐ-CT ngày 25/3/2016	6.985,00	6.985,00	-	-	-	4.000,00	4.000,00	-	4.000,00	4.000,00	-	4.000,00			
9	Kiên cố hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Liên Hòa	Lập Thạch	Số 2933/QĐ-CT ngày 23/10/2015	5.213,00	5.213,00	-	-	-	2.190,00	2.190,00	-	2.190,00	2.190,00	-	2.190,00			
10	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Đồng Ích huyện Lập Thạch	Lập Thạch	Số 2899/QĐ-CT ngày 21/10/2015	5.996,00	5.996,00	-	-	-	2.518,00	2.518,00	-	2.518,00	2.518,00	-	2.518,00			
11	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Hoàng Đan huyện Tam Dương	Tam Dương	Số 2934/QĐ-CT ngày 23/10/2015	3.372,00	3.372,00	-	-	-	1.416,00	1.416,00	-	1.416,00	1.416,00	-	1.416,00			
12	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Quát Liru huyện Bình Xuyên	Bình Xuyên	Số 2894/QĐ-CT ngày 21/10/2015	2.221,00	2.221,00	-	-	-	933,00	933,00	-	933,00	933,00	-	933,00			
13	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Đồng Cương huyện Yên Lạc	Yên Lạc	Số 1902/QĐ-CT ngày 13/7/2015	2.796,00	2.796,00	-	-	-	1.174,00	1.174,00	-	1.174,00	1.174,00	-	1.174,00			
14	Kiên cố hóa kênh loại III xây dựng NTM xã Việt Xuân huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Số 2892/QĐ-CT ngày 21/10/2015	1.525,00	1.525,00	-	-	-	640,00	640,00	-	640,00	640,00	-	640,00			

STT	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Vốn đã bố trí đến 31/12/2016			Kế hoạch năm 2017			Thực hiện đến 31/12/2017			Vốn đã phân bổ đến 31/12/2017	Ghi chú		
			Số quyết định	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
				Tổng số	NSNN		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác		NS Tinh	Nguồn khác				
	NĂM 2017			105.234,07	105.234,07	41.261,00	41.261,00	-	43.496,30	43.496,30	-	38.476,35	38.476,35	-	84.757,30			
(Theo Quyết định số: 4129/QĐ-UBND ngày 21/12/2016; Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 19/4/2017; Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 19/01//2017; Quyết định số 3608/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)																		
I	Công trình quyết toán			32.828,34	32.828,34	25.910,00	25.910,00	-	2.816,30	2.816,30	-	2.816,30	2.816,30	-	28.726,30			
1	Bê tông hóa kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng NTM xã Trung Hà, huyện Yên Lạc	Yên Lạc	QĐ số 1582/QĐ-CT ngày 10/6/2014	1.222,89	1.222,89	980,0	980,0		146,0	146,0		146,00	146,00		1.126,00			
2	KCH kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng nông thôn mới xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	QĐ số 1583/QĐ-CT ngày 10/6/2014	1.568,15	1.568,15	1.250,0	1.250,0		154,0	154,0		154,00	154,00		1.404,00			
3	KCH kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng nông thôn mới xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch	Lập Thạch	huyện 3106/QD-CT ngày 30/10/2014	662,30	662,30	530,0	530,0		88,0	88,0		88,00	88,00		618,00			
4	KCH kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng nông thôn mới xã Thanh Vân, huyện Tam Dương	Tam Dương	3017/QD-CT ngày 29/10/2014	1.973,90	1.973,90	1.580,0	1.580,0		223,0	223,0		223,00	223,00		1.803,00			
5	KCH kênh loại III và nâng cấp các công trình thủy lợi xây dựng nông thôn mới năm 2015 xã Tân Chính, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	3013/QD-CT ngày 29/10/2014	4.939,30	4.939,30	3.950,0	3.950,0		550,0	550		550,00	550,00		4.500,00			
6	Cải tạo, nâng cấp kênh nhánh lấy nước từ kênh chính, kênh N1, kênh N2 hệ thống tưới vùng bãi TB Liễu Trì	Vĩnh Tường	2070/QD-CT ngày 3/8/2015	6.403,80	6.403,80	5.120,0	5.120,0		1.032,1	1.032,1		1.032,10	1.032,10		6.152,10			
7	Xây dựng trạm bom Kiền Sơn xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên	Bình Xuyên	3928/QD-CT ngày 31/12/2013	16.058,00	16.058,00	12.500,0	12.500,0		623,2	623,2		623,20	623,20		13.123,20			
II	Công trình chuyên tiếp			31.551,76	31.551,76	15.351,00	15.351,00	-	8.790,00	8.790,00	-	8.392,00	8.392,00	-	24.141,00			
1	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên	Bình Xuyên	2935/QĐ-CT ngày 23/10/2015	3.443,76	3.443,76	2.480,0	2.480,0	11	270,00	270,00		270,00	270,00		2.750,00			

STT	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Vốn đã bố trí đến 31/12/2016		Kế hoạch năm 2017		Thực hiện đến 31/12/2017		Vốn da phản bội đến 31/12/2017	Ghi chú		
			Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				Tổng số	NSNN		NS Tính	Nguồn khác		NS Tính	Nguồn khác			
2	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Đồng Cường, huyện Yên Lạc	Yên Lạc	Số 1902/QĐ-CT ngày 20/10/2015	2.796,00	2.796,00	1.174,00	1.174,00		1.060,00	1.060,00		1.060,00	1.060,00	2.234,00
3	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Việt Xuân, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Số 2892/QĐ-CT ngày 21/10/2015	1.525,00	1.525,00	640,00	640,00		580,00	580,00		392,00	392,00	1.220,00
4	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch	Lập Thạch	Số 2899/QĐ-CT ngày 21/10/2015	5.996,00	5.996,00	2.518,00	2.518,00		2.280,00	2.280,00		2.280,00	2.280,00	4.798,00
5	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Quát Lưu, huyện Bình Xuyên	Bình Xuyên	Số 2894/QĐ-CT ngày 21/10/2015	2.221,00	2.221,00	933,00	933,00		840,00	840,00		840,00	840,00	1.773,00
6	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Liên Hòa, huyện Lập Thạch	Lập Thạch	Số 2933/QĐ-CT ngày 23/10/2015	5.213,00	5.213,00	2.190,00	2.190,00		1.980,00	1.980,00		1.770,00	1.770,00	4.170,00
7	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Hoàng Dan, huyện Tam Dương	Tam Dương	Số 2934/QĐ-CT ngày 23/10/2015	3.372,00	3.372,00	1.416,00	1.416,00		1.280,00	1.280,00		1.280,00	1.280,00	2.696,00
8	Dịch chuyên trạm bom Xóm Cum và kiên cố hóa một số tuyến kênh xã Vĩnh Sơn - huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Số 1034/QĐ-CT ngày 25/3/2016	6.985,00	6.985,00	4.000,00	4.000,00		500,00	500,00		500,00	500,00	4.500,00
III Công trình mới				40.853,97	40.853,97	-	-	-	31.890,00	31.890,00	-	27.268,05	27.268,05	31.890,00
1	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Số 3221/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	3.390,08	3.390,08	-	-	-	2.710,00	2.710,00	-	2.710,00	2.710,00	2.710,00
2	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Liễn Sơn, huyện Lập Thạch	Lập Thạch	Số 13601/QĐ-UBND ngày 21/10/2016	1.689,18	1.689,18	-	-	-	1.350,00	1.350,00	-	1.332,75	1.332,75	1.350,00
3	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã An Hòa, huyện Tam Dương	Tam Dương	Số 3585/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	7.494,12	7.494,12	-	-	-	6.000,00	6.000,00	-	5.647,44	5.647,44	6.000,00
4	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	Số 2000/QĐ-UBND ngày 21/10/2016	683,93	683,93	-	-	-	550,00	550,00	-	550,00	550,00	550,00

T	Chi tiêu	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Vốn đã bố trí đến 31/12/2016		Kế hoạch năm 2017		Thực hiện đến 31/12/2017		Vốn đã phân bổ đến 31/12/2017	Ghi chú		
			Số quyết định	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				Tổng số	NSNN		NS Tỉnh	Nguồn khác		NS Tỉnh	Nguồn khác			
5	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	3436/QĐ-UBND ngày 22/10/2014	1.454,50	1.454,50				1.160,00	1.160,00		1.118,68	1.118,68	1.160,00
5	KCH kênh loại III xây dựng nông thôn mới xã Tân Tiến, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	3583/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	1.524,66	1.524,66				1.220,00	1.220,00		1.220,00	1.220,00	1.220,00
7	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Phú Bình 1 - Sơn Đông - Lập Thạch	Lập Thạch	3599/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	1.686,27	1.686,27				1.000,00	1.000,00		1.000,00	1.000,00	1.000,00
8	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Gò Mát - Lũng Hòa - Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	3611/QĐ-UBND ngày 31/10/2015	4.000,00	4.000,00				2.000,00	2.000,00		2.000,00	2.000,00	2.000,00
9	Xây mới cầu Đề Cát (Km 20+805) và cầu Đống Gạch (Km21+330) trên kênh KCTN Liễn Sơn xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	2617/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	10.931,23	10.931,23				8.700,00	8.700,00		5.069,92	5.069,92	8.700,00
10	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kenh 6A đoạn đi qua khu vực dân cư thuộc địa phận xã Yên Lập, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường	2618/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	4.000,00	4.000,00				3.600,00	3.600,00		3.280,90	3.280,90	3.600,00
11	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kenh 6A đoạn đi qua khu vực dân cư thuộc địa phận xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Tường		4.000,00	4.000,00				3.600,00	3.600,00		3.338,35	3.338,35	3.600,00

CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI LIỄN SƠN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Quân